

Số: /2026/QĐ-CTUBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 14054/TTr-STC ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Công văn số 17267/STC-QLCS ngày 24 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6600/BC-STP ngày 14 tháng 11 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: giao tài sản; khoán kinh phí sử dụng tài sản công, khai thác tài sản công; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

Những thẩm quyền quyết định không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (theo điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định giao tài sản (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) cho cơ quan.
2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định giao tài sản cho cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công (theo khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đối với việc khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ: Sở Xây dựng quyết định mức khoán cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí.

2. Đối với việc khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh: Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại cơ quan và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (trừ xe ô tô và tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này): Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công tại cơ quan và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công (theo điểm b khoản 6 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đối với tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan: Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với tài sản là kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc trụ sở làm việc; phần diện tích cơ quan nhà nước được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc theo quy định của Chính phủ: Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan: Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (theo khoản 3 Điều 17 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định thu hồi tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) tại cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (theo điểm d khoản 1 Điều 20 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (điều chuyển trong nội bộ).

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan và của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (theo điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) tại cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định bán tài sản công tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (theo khoản 2 Điều 28 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định thanh lý tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) tại cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định (theo khoản 2 Điều 32 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) tại cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (theo khoản 2 Điều 34 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu quyết định xử lý tài sản công (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án (theo khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án (trừ trụ sở làm việc, xe ô tô) tại cơ quan.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án tại cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 13. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (theo Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) cho đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao tài sản cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công (theo khoản 1 Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đối với việc khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ: Sở Xây dựng quyết định mức khoán cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí.

2. Đối với việc khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Đối với việc khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác (trừ xe ô tô và tài sản quy định tại khoản 1, 2 Điều này)

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công tại đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (theo điểm b khoản 6 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đối với tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

2. Đối với tài sản là kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp; phần diện tích đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của Chính phủ

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Đối với tài sản là phòng thí nghiệm, thiết bị thí nghiệm và các máy móc, thiết bị, tài sản khác phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân khác (trừ đối tượng quy định tại điểm a khoản 9 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) sử dụng để thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị.

4. Đối với tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng công trình sự nghiệp; phòng truyền thống của đơn vị

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị.

b) Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công (theo khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công (theo khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (điều chuyển trong nội bộ).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị và của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cơ quan, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) (theo điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán tài sản công (trừ xe ô tô) tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bán tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) (theo điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thanh lý tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) (theo khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) (theo khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (theo điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 23. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (theo điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Điều 24. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án (theo khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP)

1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quyết định được phân cấp tại Quyết định này có trách nhiệm:

1. Tuyên truyền, phổ biến đến các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện; đảm bảo các đối tượng chịu sự tác động của Quyết định nắm bắt kịp thời, đầy đủ và chính xác theo quy định; chỉ đạo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có tài sản công ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

2. Quyết định quản lý, sử dụng tài sản công theo Quyết định này và các quy định hiện hành, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thành phố về quyết định của mình.

3. Thực hiện đảm bảo theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 01 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 26;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IV;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội;
- TTHĐND Thành phố;
- Đảng ủy UBND TP;
- Thành viên UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- TT.HĐND xã/phường/đặc khu;
- UBMTTQ xã/phường/đặc khu;
- Đảng ủy xã/phường/đặc khu;
- VPUB: Các PCVP;
- VP Đảng ủy UBND TP;
- Trung tâm Thông tin điện tử TP;
- Phòng TH, KT, HCQT;
- Lưu: VT, (KT/Vpdiem).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Vinh